

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M C
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 09/5/2023

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Đình.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông: Mùa A Minh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Phìn Đại Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 33/2022/HNGĐ-ST ngày 25/4/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị L - Sinh năm: 1976 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Văn Bình – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn T - Sinh năm: 1975 – Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Văn P – Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên – Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 22/4/2022, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Quàng Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và Lương Văn T quen biết nhau, được sự nhất trí của hai gia đình anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, cho đến mấy năm gần đây anh T thay đổi tính nết, lười lao động, cuộc sống hàng ngày của vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T không cùng chị lao động sản xuất. Do chị không thể chịu đựng được chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở, hiện anh chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh T, do mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng lớn không thể hàn gắn được, anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện M C giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lương Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lương Thu Thảo sinh ngày 30/8/1999 và cháu Lương Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009. Cháu Lương Thu Thảo đã đủ tuổi thành niên và xây dựng gia đình, ở riêng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tâm cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có đủ khả năng lao động, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị có những tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà sàn làm bằng gỗ 03 gian lợp Bro xi măng, dựng trên diện tích đất khoảng hơn 50 m² và đất xung quanh nhà khoảng hơn 1.000 m² trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

+ 01 con trâu cái khoảng 7 tuổi trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 con trâu đực khoảng 4 tuổi trị giá khoảng 25.000.000 đồng; 01 con trâu cái khoảng 3 tuổi trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 con trâu khoảng 01 tuổi trị giá khoảng 8.000.000 đồng.

Số tài sản chung của anh chị là do anh chị cùng nhau lao động sản xuất tích góp mà có, không có ai góp công sức hay tài sản gì vào phần tài sản của anh chị.

+ Trong đơn yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên ngày 12/4/2023 chị có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản chung, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị L giữ nguyên ý kiến về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung.

+ Đối với số tiền chi phí tố tụng chị tự nguyện chịu toàn bộ tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lương Văn T vắng mặt tuy nhiên tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết anh trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị L sau một thời gian tìm hiểu, anh chị tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 1998, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Từ ngày về chung sống với nhau, anh chị chung sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian gần đây giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung. Thường xuyên xảy ra cãi nhau, hiện anh chị

sống ly thân với nhau, nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thu Thảo sinh ngày 30/8/1999 và cháu Lường Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009. Cháu Lường Thu Thảo đã đủ tuổi thành niên và đã xây dựng gia đình, ở riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu Tâm và tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2023 anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau giao cháu Lường Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009 cho chị Quàng Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

- Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh chị có những tài sản sau:

+ 01 ngôi nhà sàn làm bằng gỗ 03 gian lợp Bro xi măng, dựng trên diện tích đất khoảng hơn 50 m² và đất xung quanh nhà khoảng hơn 1.000 m² trị giá khoảng 200.000.000 đồng.

+ 01 con trâu cái khoảng 7 tuổi trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 con trâu đực khoảng 4 tuổi trị giá khoảng 25.000.000 đồng; 01 con trâu cái khoảng 3 tuổi trị giá khoảng 20.000.000 đồng; 01 con trâu khoảng 01 tuổi trị giá khoảng 8.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị L rút một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Anh T đồng ý về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với số tiền chi phí tố tụng chị L tự nguyện chịu toàn bộ tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh đồng ý.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lường Văn P vắng mặt, tại bản tường trình ngày 13/02/2023 cũng như quá trình giải quyết vụ án ông trình bày:

- Đối với 01 chuồng trâu dựng trên đất của anh T, chị L là chuồng trâu do ông dựng nhờ trên đó, nếu anh T, chị L ly hôn với nhau thì ông sẽ tháo dỡ lấy chuồng trâu đó. Tại biên bản hòa giải ngày 14/02/2023 anh T, chị L và ông P thỏa thuận với nhau là chuồng trâu ở trên phần đất của anh T, chị L là chuồng trâu của ông P dựng nhờ, để cho ông P tháo dỡ lấy chuồng trâu đó và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nguyện vọng của cháu Lường Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009, nếu bố mẹ của cháu ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

* Trong quá trình giải quyết vụ án TAND huyện M C tiến hành xác minh quá trình chung sống của chị L và anh T tại tổ dân phố số 1, thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên: Chị L và anh T về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, hiện anh chị sống ly thân với nhau. Chị L và anh T hiện đều có đủ sức khỏe để lao động sản xuất và đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau.

* Do trong quá trình giải quyết vụ án, về tài sản chung anh T, chị L không thỏa thuận được với nhau. Ngày 28/11/2022 nguyên đơn Quàng Thị L có đơn đề nghị về việc yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; cùng ngày Tòa án đã ra Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho nguyên đơn và nguyên đơn chị Quàng Thị L đã nộp 4.500.000 đồng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.200.000 đồng, Tòa án đã trả lại cho chị L số tiền còn thừa là 1.300.000 đồng (tại biên bản giao nhận ngày 30/11/2022). Tại biên bản hòa giải ngày 10/3/2023 chị L, anh T thỏa thuận thống nhất với nhau, chị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 3.200.000 đồng, anh T đồng ý.

Ngày 06/12/2022 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với yêu cầu của nguyên đơn Quàng Thị L. Tại kết luận định giá tài sản số: 01/KLĐG ngày 20/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản kết luận tổng giá trị đất, tài sản trên đất và các tài sản khác liên quan đến vụ việc là 789.342.316 đồng.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Văn Bình trình bày:

- Về hôn nhân: Chị L và anh T về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, anh chị không đăng ký kết hôn với nhau, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, cho đến thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân không còn tìm được tiếng nói chung, không còn tôn trọng nhau, hiện anh chị sống ly thân với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, như vậy cuộc sống chung giữa chị L và anh T không thể hàn gắn lại được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc anh chị về chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình. Vậy đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

- Về con chung: Tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2023 anh chị thỏa thuận, thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con, vậy đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh T. Áp dụng Điều 58; 81; 82; 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình. Giao cháu Lương Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009 cho chị Quàng Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên ngày 12/4/2023 chị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, đối với phần chia tài sản chung, anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vậy đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Quàng Thị L là dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

Đối với số tiền chi phí tố tụng, chị L tự nguyện chịu toàn bộ tiền xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản anh T đồng ý, đề nghị chấp nhận sự tự nguyện của chị L.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản đảm bảo theo quy định. Đồng thời đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 147, 157, 158, 165, khoản 2 Điều 224, khoản 1 Điều 228/BLTTDS; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 59, các Điều 69, 70, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị L và anh Lường Văn T; Giao cháu Lường Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009 cho chị Quàng Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L, anh T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu; Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn; Chị L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản số tiền 3.200.000 đồng, chị L đã nộp đủ số tiền; Chị L được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Quàng Thị L là nguyên đơn, anh Lường Văn T là bị đơn. Ông Lường Văn P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự. Trong quá trình giải quyết anh Lường Văn T đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì điều kiện hiện tại anh phải đi làm, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của anh T được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/4/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lường Văn P trong quá trình giải quyết vụ án ông đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì công việc gia đình, không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của ông P được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/02/2023). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh Lường Văn T và ông Lường Văn P là có cơ sở cần

được chấp nhận. Chị Quảng Thị L có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lương Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn P theo quy định của pháp luật.

[4] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Quảng Thị L và anh Lương Văn T về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1998, chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị L có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Quảng Thị L có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quảng Thị L và anh Lương Văn T.

[5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lương Thu Thảo sinh ngày 30/8/1999 và cháu Lương Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009. Cháu Lương Thu Thảo đã đủ tuổi thành niên và đã xây dựng gia đình, ở riêng. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Lương Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009. Xét nguyện vọng của cháu. Quá trình xác minh của Tòa án về điều kiện nuôi con. Tại buổi hòa giải ngày 13/4/2023 anh chị thỏa thuận, thống nhất với nhau về người trực tiếp nuôi con. Cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị là giao cháu Lương Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009 cho chị Quảng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh Lương Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 12/4/2023 của nguyên đơn chị Quảng Thị L (không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung) bị đơn anh Lương Văn T đồng ý. Tại buổi hòa giải ngày 13/4/2023 về tài sản chung anh T và chị L sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX xét thấy cần chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với số tiền tạm ứng chi phí tố tụng 4.500.000 đồng chị L giao nộp cho Tòa án. Số tiền này chi phí thực tế cho việc xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.200.000 đồng. Tòa án đã trả lại cho chị L số tiền còn thừa là 1.300.000 đồng, chị L đã nhận đủ 1.300.000 đồng và không có ý kiến gì. Tại buổi hòa giải ngày 10/3/2023 Chị L, anh

T thỏa thuận, thống nhất với nhau, chị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng là 3.200.000 đồng, anh T đồng ý.

Đối với chuồng trâu dựng trên phần đất của anh T, chị L. Tại biên bản hòa giải ngày 14/02/2023 anh T, chị L và ông P đều công nhận là chuồng trâu của ông P dựng nhờ. Nay anh T, chị L và ông P thỏa thuận thống nhất, để cho ông P tháo dỡ lấy, anh T, chị L và ông P đều đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về án phí: Chị Quàng Thị L là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Áp dụng khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị L.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; các Điều 157; 158; 165; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, Điều 59, các Điều 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị L và anh Lường Văn T.

2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị L, anh T. Giao cháu Lường Quyết Tâm sinh ngày 13/3/2009 cho chị Quàng Thị L trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động, Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng với chị.

Anh Lường Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung:* Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn của nguyên đơn.

4. *Về nợ:* Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. *Về tiền chi phí tố tụng*: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.200.000 đồng của chị Quàng Thị L, chị Quàng Thị L đã nộp đủ số tiền 3.200.000 đồng.

6. *Về án phí*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Quàng Thị L.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Quàng Thị L có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5/2023). Bị đơn anh Lường Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án những gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- Người CQLNVLQ;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

